TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 02 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều;

2. Ông Bùi Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Đỗ Trí T, sinh năm 1957;

2. Bà Dương Bạch H, sinh năm 1964 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 52, đường Thiên Hộ Dương, khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Trí T: Bà Dương Bạch H; cư trú tại số 52, đường Thiên Hộ Dương, khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2022), (Có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Phan Hữu T, sinh năm 1958 (Vắng mặt không lý do);

2. Bà Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1966 (Vắng mặt không lý do);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Dương Bạch H (đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Trí T) trình bày: Ngày 03/12/2021, vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N có đến nhà của vợ chồng bà H mượn số tiền 220.000.000đồng; ngày 23/12/2021, vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N mượn 30.000.000đồng để đáo nợ Ngân hàng, tổng cộng 250.000.000đồng. Lãi suất 1,6%/tháng, số tiền lãi 10 tháng là 40.000.0000đồng. Khi vay, có làm biên nhận viết tay, do ông T, bà N ký tên. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 290.000.000đồng, vợ chồng bà H có gặp ông T, bà N nhiều lần yêu cầu trả số tiền vay nêu trên thì ông T, bà N đã trả được số tiền 50.000.000đồng, còn lại số tiền 240.000.000đồng. Sau khi vợ chồng bà H khởi kiện thì vợ chồng bà N trả được 130.000.000đồng, còn thiếu lại 110.000.000đồng cho đến nay, ông T, bà N chỉ hứa mà vẫn không trả tiền.

Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H yêu cầu vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N phải liên đới trả số tiền mượn (vay) còn thiếu là 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tòa án nhân dân thành phố H đã tống đạt các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N không cung cấp văn bản ghi ý kiến, không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu 110.000.000đồng và không yêu cầu tiền lãi theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Bà Dương Bạch H cung cấp cho Tòa án: Hai biên nhận đề ngày 3 tháng 12 năm 2021 dl và ngày 23 tháng 12 năm 2021 của vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N ký tên (Hai biên nhận bản chính, trong đó, bà Võ Thị Mỹ N ký biên nhận ngày 3/12/2021 dl và ông Phan Hữu T ký biên nhận ngày 23/12/2021). Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N và đã ký nhận trực tiếp đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,… nhưng vợ chồng ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N không đến Tòa án, không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy đinh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

[4] Đối với tiền lãi: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có chứng cứ vững chắc, nên chấp nhận.

[6] Để đảm bảo quyền lợi cho ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H trong quá trình thi hành án, kể từ khi ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các đương sự phải chịu và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N phải liên đới trả cho ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H tiền vay còn thiếu 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong đó, ông Đỗ Trí T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí nên không đặt vấn đề xử lý); hoàn trả lại cho bà Dương Bạch H 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0006796 ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Phan Hữu T (là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nhưng ông Phan Hữu T không làm đơn nên không xét miễn tiền án phí cho ông Phan Hữu T), bà Võ Thị Mỹ N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Trí T, bà Dương Bạch H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02 tháng 02 năm 2023). Đối với ông Phan Hữu T, bà Võ Thị Mỹ N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung